

TỪ THỰC TRẠNG ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO KỸ NĂNG PHÒNG TRÁNH TAI NẠN ĐUỐI NƯỚC CHO TRẺ EM Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH GIA LAI

Nguyễn Tiên Dũng, Trần Văn Điện và Hoàng Việt Trung*

Trường Trung học phổ thông Pleime, Chư Prông, Gia Lai, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: viettrung88.quynhon@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 28/7/2020; Ngày nhận chỉnh sửa: 28/9/2020; Ngày duyệt đăng: 19/11/2020

Tóm tắt

Tai nạn đuối nước ở tỉnh Gia Lai trong thời gian gần đây không chỉ là vấn đề nhức nhối đối với mỗi phụ huynh và học sinh mà còn là vấn nạn của cả xã hội vào những dịp hè và mùa mưa lũ. Số ca tai nạn đuối nước của trẻ em ở tỉnh Gia Lai đứng thứ hai (sau tai nạn giao thông) và có số người tử vong đứng đầu trong bảng thống kê tai nạn thương tích của toàn tỉnh. Bằng phương pháp điều tra xã hội học và phương pháp thực nghiệm, thống kê, bài viết đã làm rõ thực trạng tại nạn đuối nước trẻ em ở tỉnh Gia Lai, đồng thời đánh giá một cách khách quan về nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên cơ sở đó đề xuất giải pháp phù hợp góp phần giảm thiểu tình trạng tai nạn đuối nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Từ khóa: Gia Lai, kỹ năng phòng tránh tai nạn đuối nước, tai nạn đuối nước.

FROM THE REALITIES TO PROPOSED SOLUTIONS TO IMPROVE ETHNIC CHILDREN'S DROWNING PREVENTION SKILLS IN GIA LAI PROVINCE

Nguyen Tien Dung, Tran Van Dien and Hoang Viet Trung*

Pleime High School, Chư Prông, Gia Lai, Vietnam

*Corresponding author: viettrung88.quynhon@gmail.com

Article history

Received: 28/7/2020; Received in revised form: 28/9/2020; Accepted: 19/11/2020

Abstract

The recent drowning in Gia Lai province is painfully problematic to all parents, students, and the whole society in the summer and rainy seasons. The number of drowning cases for children in Gia Lai province ranks second (after traffic accidents) with the highest rate of deaths in the injury accident records. On social surveys, the article clarifies the realities of children drowning in Gia Lai province, and objectively assesses pertinent causes. On that basis, it proposes appropriate solutions contributing to minimize drowning accidents in Gia Lai province.

Keywords: Drowning accident, drowning prevention skills, Gia Lai.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.10.1.2021.843>

Trích dẫn: Nguyễn, T. D., Trần, V. Đ., & Hoàng, V. T. (2021). Từ thực trạng đề xuất giải pháp nâng cao kỹ năng phòng tránh tai nạn đuối nước cho trẻ em ở vùng dân tộc thiểu số ở tỉnh Gia Lai. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 10(1), 40-48. <https://doi.org/10.52714/dthu.10.1.2021.843>.

1. Đặt vấn đề

Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2019, tình trạng tai nạn đuối nước (TNĐN) trẻ em ở tỉnh Gia Lai tuy có giảm nhưng vẫn còn ở mức độ rất cao. Trung bình mỗi năm có khoảng 40 đến 60 ca TNĐN. Để làm rõ những nguyên nhân dẫn đến tình trạng TNĐN trên địa bàn toàn tỉnh, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát ngẫu nhiên 247 học sinh tại Trường Tiểu học Phạm Hồng Thái (xã Ia Lâu, Chư Prông) làm nhóm thực nghiệm và Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám (xã Ia Pior, Chư Prông) làm nhóm đối chứng - đây là hai xã có số ca tai nạn đuối nước cao hơn nhiều so với mặt bằng chung của toàn tỉnh. Từ đó rút ra những nhận định khách quan về thực trạng TNĐN của trẻ em trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 6 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019 với 3 giai đoạn: (1) Thu thập dữ liệu thứ cấp, đánh giá thực trạng TNĐN ở tỉnh Gia Lai; (2) Khảo sát 247 học sinh về mức độ nhận thức đối với kỹ năng tự phòng tránh đuối nước và khả năng xử lý các tình huống khi gặp TNĐN; (3) Xây dựng “Cẩm nang truyện tranh phòng tránh TNĐN cho học sinh” như là một biện pháp can thiệp phục vụ cho khảo nghiệm để đánh giá tác động của biện pháp trên 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng.

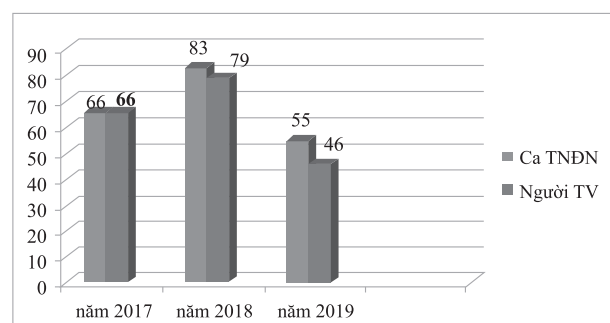
Trên cơ sở đánh giá thực trạng TNĐN, bài viết này còn tập trung làm rõ những chuyển biến về nhận thức, kỹ năng và thái độ của học sinh tiểu học sau khi được tác động bằng giải pháp cụ thể của nhóm nghiên cứu, qua đó làm cơ sở khoa học đề xuất giải pháp giảm thiểu TNĐN trẻ em trên địa bàn tỉnh Gia Lai, nhất là ở vùng dân tộc thiểu số trong thời gian tới.

2. Thực trạng TNĐN của trẻ em ở Gia Lai

Tính từ năm 2017 đến năm 2019 toàn tỉnh Gia Lai có 195 ca TNĐN. Trong đó năm 2017 có 66 ca, năm 2018 có 83 ca, đến năm 2019 số ca TNĐN tuy có giảm gần một nửa nhưng vẫn còn ở mức độ cao, toàn tỉnh ghi nhận 46 ca TNĐN trẻ em. Chỉ tính riêng trong năm 2017 trên địa bàn toàn tỉnh xuất hiện một số huyện

có tỷ lệ TNĐN cao gồm có các huyện Ia Grai có 02 ca TNĐN với 08 trẻ tử vong, huyện Chư Pưh có 03 ca TNĐN cướp đi 06 trẻ em; huyện Chư Păh: có 04 ca đuối nước và làm cho trẻ với 05 trẻ bị tử vong, huyện Đăk Đoa có 04 ca TNĐN làm tử vong 05 trẻ và huyện Chư Prông: có 03 ca TNĐN làm 09 trẻ bị tử vong (Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, 2017, tr.1)

Số ca TNĐN đứng thứ hai sau tai nạn giao thông, nhưng lại có tỉ lệ tử vong cao nhất (*chiếm 97,5%*) trong bảng tổng hợp tai nạn thương tích trên địa bàn toàn tỉnh. Cụ thể, trong năm 2017 có 66 ca làm 66 trường hợp tử vong, đến năm 2018 số ca TNĐN tăng lên 83 ca làm 79 trẻ tử vong, thống kê năm 2019 tại tỉnh Gia Lai có 55 ca TNĐN làm 46 trẻ tử vong (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Gia Lai, 2019).



Hình 1. Tình trạng tử vong do TNĐN của trẻ em ở tỉnh Gia Lai

Xét theo giới tính: TNĐN diễn ra cả ở trẻ em nam và trẻ em nữ. Trong đó, số ca TNĐN của trẻ em nam cao hơn 2,7 lần so với trẻ em nữ. Tính chung trên địa bàn tỉnh Gia Lai từ năm 2017 đến năm 2019, trong tổng số 195 ca TNĐN thì số trẻ em nam có 142 ca chiếm 72,8% số vụ tai nạn, số trẻ em nữ chỉ chiếm 53 trường hợp chiếm 27,17%.

Xét theo nhóm độ tuổi: TNĐN của trẻ em ở tỉnh Gia Lai diễn ra từ 1 tuổi đến 16 tuổi. Trong đó trẻ em trong độ tuổi từ 14 đến 16 tuổi có số ca TNĐN ít nhất, chỉ với 12 ca trong tổng số 195 ca của toàn tỉnh, chiếm 6,15%, tiếp đó là trẻ em trong độ tuổi từ 1 đến 5 tuổi cũng chỉ có 58 ca chiếm 29,74%. Ngược lại, đứng đầu về số ca

TNĐT ở Gia Lai tập trung nhiều vào nhóm tuổi từ 10 đến 13 tuổi với 73 ca TNĐN chiếm 37,43%. Đứng thứ hai về số ca TNĐN là nhóm tuổi từ 6 đến 9 tuổi với 59 ca chiếm 30,25%. Qua đây,

chúng ta có thể khẳng định rằng, nạn nhân của TNĐN ở Gia Lai tập trung ở nhóm độ tuổi từ 6 đến 13 tuổi. Đây chủ yếu là lứa tuổi học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở.

Bảng 1. TNĐN phân hóa theo độ tuổi ở Gia Lai

Năm	Tổng số	Nhóm độ tuổi							
		1-5 tuổi	Tỉ lệ (%)	6-9 tuổi	Tỉ lệ (%)	10-13 tuổi	Tỉ lệ (%)	14-16 tuổi	Tỉ lệ (%)
Năm 2017	66	17	25,76	22	33,33	25	37,88	2	3,03
Năm 2018	83	25	30,12	18	21,69	34	40,96	6	7,23
Năm 2019	46	16	34,78	12	26,08	14	30,4	4	8,69
Tổng số	195	58	29,74	59	30,25	73	37,43	1	6,15

Nguồn: Tổng hợp cáo cáo TNĐN trên địa bàn tỉnh từ 2017-2019 của Sở LĐTBXH tỉnh Gia Lai.

Xét về địa bàn xảy ra tai nạn: Trong tổng số 195 ca TNĐN trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong thời gian vừa qua, có đến 179 trường hợp xảy ra ngoài cộng đồng khu dân cư, chủ yếu là ao, hồ tưới nông nghiệp, chỉ có 16 trường hợp TNĐN xảy ra tại nhà và không có trường hợp nào xảy ra trong phạm vi trường học. Tuy nhiên, xét về địa bàn dân cư giữa nông thôn, miền núi so với địa bàn đô thị thuận lợi thì TNĐN ở Gia Lai chủ yếu xảy ra ở địa bàn miền núi, vùng nông thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhất là vùng dân tộc thiểu số có nhiều hồ chứa thủy lợi như địa bàn xã Ia Pior và xã Ia Lâu của huyện Chư Prông chiếm tới 11 ca TNĐN trong tổng số 32 ca TNĐN của toàn huyện.

2. Nguyên nhân của thực trạng

2.1. Nguyên nhân chủ quan

Thiếu kiến thức, không biết bơi và thiếu kỹ năng an toàn: Nhiều cuộc khảo sát tại Việt Nam cho thấy hầu hết trẻ bị đuối nước là do không biết bơi. Tác giả Trần (2019, tr. 9) cho rằng: Thông thường chỉ có khoảng 10 đến 15% học sinh có thể bơi được khoảng 25m trong khi đó hầu hết các em lại thường thích vui chơi dưới nước, chơi đùa gần sông, suối, ao, hồ. Số liệu khảo sát từ 247 học sinh tại hai Trường Tiểu học Phạm Hồng

Thái và Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám thuộc huyện Chư Prông của nhóm nghiên cứu cũng cho thấy có 197 học sinh không nhận biết được những vùng nước nguy hiểm, chiếm 79,75%, có 165 học sinh không nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng áo phao khi tham gia vào môi trường nước chiếm 66,8%. Bên cạnh đó, khi hỏi về kỹ năng sử dụng những dụng cụ có sẵn như gậy tre, dây thừng... để cứu hộ hoặc xử lý tình huống khi gặp đuối nước thì 177 trong tổng số 247 học sinh không biết cách sử dụng.

Qua số liệu khảo sát nói trên có thể khẳng định rằng: Vì thiếu kiến thức, không biết bơi và thiếu kỹ năng an toàn nên khi tham gia vào môi trường nước, học sinh sẽ không biết xử lý các tình huống bất ngờ xảy ra và không có kỹ năng cứu đuối khi thấy có người gặp nạn là nguyên nhân chính dẫn đến TNĐN của trẻ em ở tỉnh Gia Lai.

Thiếu sự giám sát của người lớn: Sự sao nhãng, vô ý, bất cẩn của các bậc cha mẹ; thiếu sự quan tâm, giám sát con cái của các gia đình cũng là nguyên nhân dẫn đến TNĐN của trẻ em, trong tổng số 195 ca TNĐN ở tỉnh Gia Lai thì có đến 16 trường hợp xảy ra tại nhà và 179 trường hợp xảy ra tại địa điểm công cộng. Cũng qua khảo sát thực địa, nhóm nghiên cứu đã thống kê

được 151 học sinh trong tổng số 247 em tắm ở ao, hồ, sông, suối thường xuyên không có người lớn đi kèm. Chỉ có 62 trong số 247 trẻ được cha mẹ quan tâm và thường xuyên giám sát, dạy các kỹ năng bơi lội cho trẻ tại nhà và chỉ có 5 trong số 247 trẻ được gia đình cho tham gia các câu lạc bộ bơi lội tại địa phương. Như vậy, có tới 74,9% trẻ không được cha mẹ truyền thụ kiến thức về phòng tránh đuối nước, không có cơ hội được học bơi và học các kỹ năng an toàn khi tham gia môi trường nước.

Sự thiếu quan tâm của người lớn còn được biểu hiện ở việc thiếu trách nhiệm dạy bơi cho trẻ. Một phần vì phụ huynh học sinh quá bận với công việc kiếm sống trên nương rẫy mà không có thời gian quan tâm và dạy cho trẻ các kỹ năng cơ bản như bơi, lặn trong nước. Phần khác, nhiều phụ huynh lại quá cẩn thận, không dạy cho con mình những kỹ năng bơi lội cơ bản vì sợ trẻ sẽ tự ý tắm sông, tắm suối trong khi không có người lớn và dễ dẫn đến nguy cơ bị đuối nước. Chính vì vậy, thay vì dạy bơi cho con em mình thì một số phụ huynh ra sức cấm đoán, đe nẹt trẻ không được tự ý xuống ao, hồ, sông, suối khi chưa được cha mẹ đồng ý. Tuy nhiên, ở lứa tuổi từ 9 đến 13 tuổi tâm lý của các em rất muốn khám phá thế giới xung quanh, muốn khẳng định khả năng của mình nên cha mẹ cũng khó kiểm soát được trẻ.

2.2. Nguyên nhân khách quan

Xuất phát từ môi trường sống không an toàn, tiềm ẩn các nguy cơ gây đuối nước cho trẻ em. Điển hình như các khúc sông, hồ nước sâu, nước xoáy, đập tràn gần khu dân cư không có rào chắn, biển cảnh báo nguy hiểm, thiếu cầu dân sinh nên việc đi lại, sinh hoạt rất dễ xảy ra TNĐN. Nhiều chủ ao, hồ, hồ đào còn thiếu trách nhiệm, chủ quan không làm rào chắn ở khu vực nguy hiểm hoặc làm biển cảnh báo nguy hiểm, điều này càng làm tiềm ẩn nguy cơ cao đuối nước cho trẻ em (Đặng, 2019, tr. 30).

Sự quan tâm đầu tư nguồn lực của nhà nước và địa phương cho công tác phòng chống đuối nước và tai nạn thương tích trẻ em nói chung còn

hạn chế. Theo báo cáo của Ủy ban nhân tỉnh Gia Lai năm (2017) khi triển khai Đề án tăng cường công tác phòng, chống TNĐN ở trẻ em trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017-2022 cũng chỉ ra một thực trạng rằng: Trên địa bàn tỉnh hiện có 15 bể bơi gồm 02 bể của nhà nước và 13 bể của tư nhân, chủ yếu tập trung ở thành phố Pleiku. Qua điều tra thực địa của nhóm nghiên cứu cũng cho thấy, 100% các trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh chưa có bể bơi, chưa đưa nội dung bơi lội vào trong chương trình giáo dục của nhà trường vì thiếu đội ngũ giáo viên, thiếu kinh phí xây dựng bể bơi hoặc làm bể bơi thông minh.

Việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền phòng chống đuối nước, dạy kỹ năng an toàn chưa được tiến hành thường xuyên. Nội dung ngoại khóa tuyên truyền phòng tránh đuối nước trong trường học mới chỉ dừng lại ở việc truyền thông và tuyên truyền vào các buổi sinh hoạt dưới cờ vì vậy chưa thực sự có hiệu quả cao trong phòng và tránh TNĐN cho trẻ em.

Việc giám sát thực hiện công tác phòng chống đuối nước trẻ em còn chưa chặt chẽ; còn thiếu một số các quy định cụ thể của pháp luật đối với việc xử phạt khi gây TNĐN trẻ em.

3. Đề xuất giải pháp giảm thiểu TNĐN cho trẻ em ở Gia Lai

Để giảm thiểu và đi đến chấm dứt tình trạng TNĐN của trẻ em trên địa bàn tỉnh Gia Lai nói chung cần phải có sự vào cuộc của nhiều tổ chức, ban ngành, cùng lúc phải thực hiện nhiều biện pháp để nâng cao kiến thức, kỹ năng và làm thay đổi thái độ và hành vi của học sinh về phòng tránh đuối nước. Một số giải pháp như tăng cường dạy bơi trong trường tiểu học, tổ chức tuyên truyền bằng các chiến dịch truyền thông về phòng tránh đuối nước hoặc xây dựng các mô hình “trường học an toàn”, “ngôi nhà an toàn” là việc làm có ý nghĩa quyết định làm giảm thiểu tình trạng đuối nước ở trẻ em. Tuy nhiên, xuất phát từ đặc điểm cụ thể về tình hình kinh tế, xã hội và cơ sở vật chất trong các trường học tại địa bàn các huyện, các buôn làng ở vùng sâu, vùng xa có đông người dân tộc thiểu số sinh sống như tỉnh Gia Lai thì

việc dạy bơi hay xây dựng bể bơi trong trường học là việc làm khó khăn và thiếu đồng bộ. Vì lý do đó, chúng tôi cho rằng giải pháp trước mắt và hiệu quả nhất là phải *Xây dựng cảm nang truyện tranh phòng tránh TNĐN cho học sinh tiểu học* để giáo dục nâng cao kỹ năng tự phòng tránh đuối nước cho trẻ em

3.1. Cơ sở lý luận đề xuất giải pháp

Xuất phát từ đặc điểm tâm lý của học sinh tiểu học, nhất là học sinh trong độ tuổi lớp từ 9 đến 10 tuổi hệ thần kinh cấp cao đang hoàn thiện về mặt chức năng, do vậy tư duy của các em chuyển dần từ trực quan hành động sang tư duy hình tượng, tư duy trừu tượng. Do đó, các em rất hứng thú với các trò chơi trí tuệ như đồ vui trí tuệ, các cuộc thi trí tuệ, hay giải trí bằng truyện tranh. Đặc điểm tâm lý của trẻ được biểu hiện trên các phương diện như:

+ *Sự hoàn thiện về tri giác*: Tri giác của học sinh ở giai đoạn cuối tuổi tiểu học (lớp 5) bắt đầu mang tính xúc cảm, trẻ thích quan sát các sự vật hiện tượng có màu sắc sặc sỡ, hấp dẫn, tri giác của trẻ đã mang tính mục đích, có phương hướng rõ ràng, trẻ đã biết lập kế hoạch học tập, biết sắp xếp công việc nhà, biết làm các bài tập từ dễ đến khó, biết sưu tầm và tìm đọc những cuốn sách mà mình muốn. Vì vậy, chúng ta cần phải thu hút trẻ bằng các hoạt động mới, mang màu sắc để kích thích trẻ cảm nhận tri giác tích cực. Do đó, thiết kế cảm nang dưới dạng truyện tranh với những câu chuyện cụ thể, hình ảnh sinh động sẽ giúp các em liên tưởng một cách cụ thể về những nguy hiểm khi tham gia vào trường nước cũng như mừng tượng được các thao tác tự thoát hiểm.

+ *Sự phát triển về tư duy của trẻ*: Lúc này, tư duy của trẻ chuyển dần từ tính cụ thể sang tư duy trừu tượng khái quát. Trẻ biết tổng hợp kiến thức và so sánh ở dạng sơ đẳng. Vì thế, cảm nang truyện tranh sẽ giúp học sinh khái quát được nguyên nhân thường dẫn đến tai nạn do nước, từ đó rút ra được các biện pháp để phòng tránh tai nạn.

+ *Khả năng tưởng tượng tái tạo*: Ở độ tuổi cuối bậc tiểu học trẻ đã bắt đầu hoàn thiện, từ những hình ảnh cũ trẻ đã tái tạo ra những hình ảnh mới. Sau bước tưởng tượng tái tạo thì tưởng tượng sáng tạo cũng tương đối phát triển ở giai đoạn cuối tuổi tiểu học. Trẻ bắt đầu phát triển khả năng làm thơ, làm văn, vẽ tranh,... Đặc biệt, tưởng tượng của các em trong giai đoạn này bị chi phối mạnh mẽ bởi các xúc cảm, tình cảm, những hình ảnh, sự việc, hiện tượng đều gắn liền với các rung động tình cảm của các em. Vì vậy cần phải phát triển tư duy và trí tưởng tượng của các em bằng cách biến các kiến thức "khô khan" thành những hình ảnh có cảm xúc, nhất là khi chúng ta sử dụng truyện tranh để giáo dục kỹ năng cho học sinh sẽ góp phần phát triển khả năng nhận thức lý tính của các em.

+ *Khả năng ghi nhớ của trẻ*: Ở giai đoạn từ 9 đến 13 tuổi, khả năng ghi nhớ có chủ định đã phát triển. Tuy nhiên, hiệu quả của việc ghi nhớ có chủ định còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như mức độ tích cực tập trung trí tuệ của các em, sức hấp dẫn của nội dung tài liệu, yếu tố tâm lý hay hứng thú của các em. Nhằm được điều này, chúng ta phải giúp các em biết cách khái quát hóa và đơn giản mọi vấn đề, giúp các em xác định đâu là nội dung quan trọng cần ghi nhớ, các từ ngữ dùng để diễn đạt nội dung cần ghi nhớ phải đơn giản dễ hiểu, dễ nắm bắt, dễ thuộc và đặc biệt phải hình thành ở các em tâm lý hứng thú và vui vẻ khi ghi nhớ kiến thức. Muốn vậy, khi giáo dục các kỹ năng cho trẻ phải khéo léo kết hợp giữa truyền thụ kiến thức bằng chữ viết với việc truyền thụ kiến thức bằng hình ảnh sinh động, có như vậy mới nâng cao và khắc sâu khả năng ghi nhớ của trẻ góp phần hình thành thuần thục các kỹ năng thực hành ở trẻ em.

Từ đặc điểm tâm lý học sinh như trên, chúng ta hoàn toàn có thể tin tưởng rằng, việc xây dựng Cảm nang truyện tranh với hình ảnh sinh động và những câu chuyện hấp dẫn sẽ tăng cường khả năng ghi nhớ, kích thích tư duy tái tạo và sáng tạo của học sinh góp phần làm thay đổi thái độ và hành vi của học sinh.

3.2. Cơ sở thực tiễn đề xuất giải pháp

Qua điều tra thực địa, nhóm nghiên cứu nhận thấy rằng, việc tổ chức dạy bơi và các kỹ năng an toàn cho trẻ em trong các trường tiểu học là việc không dễ thực hiện tại các cơ sở giáo dục hiện nay. Nguyên nhân chính là do cơ sở vật chất chưa đảm bảo, cấu trúc chương trình giáo dục nhà trường chưa lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng an toàn cho học sinh.

Vì vậy, đề góp phần nâng cao ý thức tự phòng tránh TNĐN cho trẻ em, đồng thời giáo dục kỹ năng an toàn khi tham gia vào môi trường nước cần phải có một bộ tài liệu vừa đảm bảo đầy đủ nội dung giáo dục vừa phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi là yêu cầu cấp thiết. Quan trọng

hơn, tài liệu này còn phải phát huy được năng lực tự học của học sinh và hình thành lên các phẩm chất cơ bản theo yêu cầu đổi mới chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện nay.

3.3. Mô tả về giải pháp

Cẩm nang truyện tranh được thiết kế gồm 30 trang, in màu và chia thành ba phần chính:

Phần thứ nhất. Nhận biết những nơi không an toàn:

Tại phần này, chúng tôi đã biên tập 10 tình huống để học sinh nhận biết nhưng nơi không an toàn, đó là những tình huống gắn liền với đặc điểm của địa bàn vùng dân tộc miền núi, vùng nông thôn đặc biệt khó khăn của tỉnh Gia Lai như:

- | | |
|---|--|
| 1. Đi qua đập tràn mùa nước lũ | 6. Câu cá bên hồ nước sâu |
| 2. Đi thuyền trên sông không có áo phao | 7. Chạy nhảy bên bờ suối có nước chảy mạnh |
| 3. Mùa cua bắt ốc dưới lòng suối | 8. Bơi lội dưới sông suối ngày mưa |
| 4. Chăn trâu và nô đùa bên hồ tưới cà phê | 9. Nô đùa bên giếng nước không có nắp đậy |
| 5. Vớt củi mùa lũ | 10. Đá bóng bên hồ nước sâu |

Cẩm nang cũng chỉ ra những thời điểm rất dễ xảy ra TNĐN như: Thời điểm học sinh đi học qua vùng nước lũ khi không có người lớn giám sát hoặc trốn cha mẹ đi câu cá lúc giữa trưa, đi tắm suối khi trời đang có mưa to nước lớn... Qua đó giúp học sinh nhận biết và tránh xa những nơi tiềm ẩn nguy cơ đuối nước.

Phần thứ hai. Kỹ năng xử lý khi gặp người bị đuối nước:

Trong phần thứ hai này, chúng tôi đã thiết kế những tình huống bị đuối nước ở hai trường hợp đó là:

1. Khi người bị đuối nước còn tỉnh táo thì chúng ta cần phải bình tĩnh xử lý để nhanh chóng đưa người bị nạn vào bờ bằng cách:

Sử dụng phao tự chế là các vật nổi (can nhựa, gỗ khô, tấm xốp, lốp xe...).

Sử dụng cành cây, dây kéo (dây thừng có sẵn hoặc lấy áo, quần làm dây kéo người bị nạn).

2. Trường hợp khi người bị đuối nước đã kiệt sức thì cần phải biết cách xử lý tình huống

sao cho người bị nạn tỉnh dần tránh bị ngạt nước như: Diu người bị nạn vào bờ, tiến hành hô hấp nhân tạo hoặc vác người bị nạn chạy trong 60 giây để nước thoát ra ngoài lồng ngực. Suối ấm cho nạn nhân sau khi đã đưa vào bờ.

Qua việc xử lý các tình huống giả định do nhóm nghiên cứu biên soạn sẽ góp phần hình thành kỹ năng phòng tránh đuối nước cho học sinh.

Phần thứ ba. Kỹ năng tự phòng tránh TNĐN

Trong phần này, chúng tôi hướng đến giáo dục kỹ năng tự phòng tránh đuối nước cho trẻ em như kỹ năng tập bơi, kỹ năng tự làm quen trong môi trường nước, kỹ năng cùng nhau đi qua suối, kỹ năng vận động trước khi tham gia vào môi trường nước và giáo dục ý thức tuyên truyền phòng tránh đuối nước đến mọi người xung quanh.

Trong mỗi phần, nội dung cẩm nang được thiết kế gồm ba mục chính đó là: Tìm hiểu kiến thức chung với mục đích hình thành những kiến

thức cơ bản liên quan đến nội dung phòng tránh đuối nước, kỹ năng xử lý khi gặp TNĐN; hoạt động thực hành sẽ giúp học sinh tái tạo lại những nội dung kiến thức, kỹ năng đã trình bày ở mục kiến thức chung; hoạt động vận dụng góp phần giúp học sinh vận dụng những kiến thức đã biết vào cuộc sống từ đó tự có ý thức phòng tránh đuối nước.

4. Đánh giá tác động của giải pháp

Để đánh giá về mức độ nhận thức của

học sinh về kiến thức và kỹ năng phòng tránh TNĐN sau khi đã đọc xong cuốn cẩm nang truyện tranh, nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát đồng thời cả nhóm học sinh thực nghiệm và nhóm học sinh đối chứng dựa trên bảng khảo sát được thiết kế theo thang đo Bloom nhằm đánh giá khả năng tái tạo kiến thức và kỹ năng của học sinh. Kết quả cho thấy có sự chênh lệch rất lớn giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng như sau:

Bảng 2. Nhận thức của học sinh về kiến thức và kỹ năng sau khi tác động

	Nội dung câu hỏi	Nhóm TN 125 (N)		Nhóm ĐC 122 (N)	
		Đúng	Sai	Đúng	Sai
1	Theo em, nhưng nơi nào dễ xảy ra nguy cơ đuối nước	109	16	102	20
2	Theo em, việc làm nào rất dễ dẫn đến đuối nước	96	29	67	55
3	Theo em, biểu hiện nào cho thấy nước lũ đang tràn về và rất nguy hiểm khi đi qua?	91	34	67	55
4	Khi vừa thấy người ngã xuống nước trong khi mình lại không biết bơi, em phải làm gì đầu tiên	90	22	63	59
5	Trong trường hợp em nhìn thấy có người ngã xuống hồ nước sâu. Trong khi mình lại không biết bơi thì phải làm thế nào?	85	40	52	70
6	Lúc đang đá bóng trên bờ sông, vì bóng bay xuống nước nên bạn An xuống lấy nhưng sông quá sâu và trơn, khó lên bờ. Lúc này các em phải làm gì?	99	26	81	41
7	Nếu bị chuột rút ở chân trái khi đang bơi em phải làm gì?	95	30	68	54
8	Nguyên tắc đầu tiên khi đi thuyền trên sông/suối là phải	93	32	80	42
9	Để tập lặn dưới nước, em phải làm như thế nào	59	66	44	78
10	Khi đi qua đoạn suối có nước chảy mạnh, em phải làm gì?	58	67	26	96

Từ kết quả của Bảng 2, nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê để phân tích kết quả sau tác động giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng và đi đến khẳng định: Đối với học sinh thuộc nhóm thực nghiệm được sử dụng cẩm nang truyện tranh có kết quả cao hơn so với nhóm đối chứng không sử dụng cẩm nang truyện tranh. Giá trị trung bình (Average) từ bảng kiểm kiến thức và kỹ năng của nhóm thực nghiệm có giá trị trung bình là 7,03 trong khi nhóm đối chứng chỉ có 6,2. Độ lệch chuẩn (SD) của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng gần như tương đương nhau điều đó cho thấy đây là hai nhóm có

trình độ nhận thức ban đầu tương đương nhau. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu cũng tính giá trị xác suất ngẫu nhiên (P) của hai nhóm bằng $P=0,00135$ ($P<0,05$) chứng tỏ rằng đây là giá trị có nghĩa, sự thay đổi nhận thức và kỹ năng của nhóm thực nghiệm không phải là ngẫu nhiên mà hoàn toàn do tác động bằng cách sử dụng cẩm nang truyện tranh mà có. Đồng thời, kết quả thu thập từ lần khảo sát thứ hai cũng chỉ ra mức độ ảnh hưởng của giải pháp tác động $ES_{(SMD)} = 0,97$, so với bảng tham chiếu của **Cohen** giá trị nào nằm trong khoảng $0,8 < ES_{(SMD)} < 1,0$ thì có mức ảnh hưởng lớn.

Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu còn tiến hành đánh giá về thái độ và hành vi của học sinh sau khi đọc xong cẩm nang truyện tranh. Để đo về thái độ của học sinh sau khi được tác động, chúng tôi thiết kế bảng hỏi gồm 6 câu hỏi theo 5

mức độ của thang đo Bloom về: *Sự chấp nhận, sự hứng thú, sự hưởng ứng và cam kết thực hiện* của học sinh vào việc tuyên truyền phòng tránh đuối nước đối với mọi người xung quanh sau khi đọc xong cẩm nang truyện tranh.

Bảng 3. Thái độ và hành vi của học sinh thực nghiệm sau khi được tác động

	Em hãy cho biết	Số phiếu	Rất đồng ý	Đồng ý	Bình thường	Không đồng ý
1	Em có hấp dẫn bởi những hình ảnh sinh động trong cuốn truyện tranh này?	125	97 (77,6%)	15 (12%)	13 (10,4%)	0
2	Em cảm thấy rất hứng thú với những nội dung của cuốn truyện tranh này?	125	101 (80,8%)	16 (12,8%)	8 (6,4%)	0
3	Những kiến thức và kỹ năng xử lý từ cuốn truyện tranh này rất có ích với em?	125	101 (80,8%)	24 (19,2%)	0	0
4	Em sẽ tuyên truyền nội dung của cuốn truyện tranh này đến bạn bè và người thân	125	121 (96,8%)	4,0 (3,2%)	0	0
5	Em sẽ thường xuyên đọc cuốn truyện này để nâng cao kiến thức?	125	98 (78,4%)	22 (17,6%)	5,0 (4,0%)	0
6	Sau khi đọc xong cuốn truyện tranh này em tham gia các buổi ngoại khóa để tuyên truyền về phòng tránh đuối nước?	125	118 (94,4%)	7 (5,6%)	0	0

Qua bảng hỏi về thái độ và hành vi của học sinh sau khi được tác động bằng cẩm nang truyện tranh đã cho thấy sự thay đổi trong thái độ và hành vi của học sinh trong việc phòng tránh TNĐN. Đã có 77,6% học sinh đã rất đồng ý với sự hấp dẫn của cuốn truyện tranh, 80,8% học sinh cảm thấy rất hứng thú với cuốn cẩm nang truyện tranh của nhóm nghiên cứu và 96,8% học sinh rất đồng ý với việc sẽ tuyên truyền cuốn cẩm nang truyện tranh này đến mọi người để góp phần giảm thiểu TNĐN.

Từ những kết quả thu được của biện pháp can thiệp đã trình bày cho thấy, việc đọc truyện tranh như là biện pháp giúp trẻ em nâng cao nhận thức về việc phòng chống TNĐN, bước đầu cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản, cần thiết giúp trẻ em ứng phó và nhận biết với những tình huống không an toàn trong môi trường nước. Đây có thể là biện pháp đối với bối cảnh của vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa trong tình huống hiện nay.

5. Kết luận

Như vậy, việc sử dụng cẩm nang truyện tranh phòng tránh tai nạn đuối nước đã góp phần nâng cao nhận thức và làm thay đổi kỹ năng, thái độ, hành vi của học sinh tiểu học đối với việc phòng tránh đuối nước. Tuy nhiên, để cẩm nang truyện tranh thực sự trở thành một giải pháp hữu hiệu góp phần nâng cao kỹ năng tự phòng tránh TNĐN thì cần phải có sự hưởng ứng không chỉ của học sinh mà nhà trường và phụ huynh cũng phải hết sức quan tâm. Đối với nhà trường nên sử dụng cẩm nang truyện tranh như một tài liệu tham khảo phục vụ cho các hoạt động ngoại khóa, hoạt động hướng dẫn tự học của sinh hoặc thông qua các buổi kể chuyện, hoạt động luyện tập, hoạt động trải nghiệm, qua đó góp phần tuyên truyền và hướng dẫn học sinh biết cách tự phòng tránh đuối nước. Đối với phụ huynh học sinh sử dụng cẩm nang truyện tranh phòng tránh TNĐN để hướng dẫn cho con em mình tự học ngay tại nhà, qua đó phụ huynh sẽ hướng dẫn cho con em mình nhận biết được những nơi tiềm ẩn nguy cơ

đuối nước, trực tiếp hướng dẫn các kỹ năng an toàn cho các con khi tham gia vào môi trường nước, từ đó giúp cho phụ huynh nhận thức đúng về vai trò và trách nhiệm của mình trong việc phòng tránh đuối nước trẻ em./.

Tài liệu tham khảo

Đặng, T. B. (2019). Những giải pháp phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em và TNĐN ở trẻ em trên địa bàn tỉnh Gia Lai. *Thông tin Sinh hoạt nhân dân*, số (7/2019), 29-30.

Sở Lao động, Thương binh, Xã hội tỉnh Gia Lai. (2017). *Báo cáo tình hình tai nạn thương tích trẻ em trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2017*. Gia Lai, 1-2.

Sở Lao động, Thương binh, Xã hội tỉnh Gia Lai. (2018). *Báo cáo tình hình tai nạn thương tích trẻ em trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2018*. Gia Lai, năm,1-2.

Sở Lao động, Thương binh, Xã hội tỉnh Gia Lai. (2019). *Báo cáo tình hình tai nạn thương tích trẻ em trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2019*. Gia Lai, 1-2.

Trần, T. P. B. (2017). *Hướng dẫn phòng tránh đuối nước dành cho học sinh trung học*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.(2017). *Đề án tăng cường công tác phòng, chống TNĐN ở trẻ em trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017-202*. Gia Lai, 3-5.